

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 02 - 2020
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn.

Ông Nguyễn Thanh Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CT, xã ĐB, thành phố C, tỉnh M.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm HT, đường NT, khóm B, phường C, thành phố C, tỉnh M.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh D, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CTA, xã Đ, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh D sống chung vào năm 2000, có tổ chức cưới, gả theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc vì vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện chị và anh D đã ly thân khoảng 06 tháng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn và chị không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định có 03 người con chung tên Trần Anh N, sinh ngày 21/5/2001, Trần Thanh H, sinh ngày 10/02/2004; Trần Thanh Đức H, sinh ngày 29/9/2015. Hiện các con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với cháu H chị thống nhất giao cho anh D nuôi dưỡng, chị nhận nuôi cháu Huy cho đến khi các cháu trưởng thành, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 14 tháng 02 năm 2020 anh Trần Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống đúng như chị L trình bày, vợ chồng chỉ có tổ chức đám theo phong tục tập quán chứ không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân đúng như chị L trình bày. Nay anh xét thấy cuộc sống vợ chồng đã quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu được ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh D xác định có 03 người con chung là Trần Anh N, sinh ngày 21/5/2001, Trần Thanh H, sinh ngày 10/02/2004; Trần Thanh Đức H, sinh ngày 29/9/2015. Hiện các con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn đối với cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh thống nhất nhận nuôi cháu H, giao cháu Đức H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh D xác định không nợ ai cũng không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh D và chị L hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cà Mau nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lắm và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị Lắm và anh D đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống chị L xác định có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh D thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và thống nhất ly hôn với chị L. Mặc khác, do anh D và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh D xác định có 03 người con chung tên Trần Anh N, sinh ngày 21/5/2001, Trần Thanh H, sinh ngày 10/02/2004; Trần Thanh Đức H, sinh ngày 29/9/2015. Hiện các con đang sống chung với chị L. Cháu N hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu H và cháu Đức H

hiện chưa trưởng thành nên cần xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng các cháu của cha mẹ. Trong quá trình hòa giải anh D và chị L thỏa thuận thống nhất giao cháu H cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu Đức H cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh D không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu được ghi nhận tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung khi cha mẹ ly hôn ngày 14/02/2020 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Trong quá trình giao con cho cha mẹ nuôi dưỡng nếu người nào trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn hoặc cản trở việc người kia thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh D, chị L vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị L, anh D không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh D khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Lẩm phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 15, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Đặng Thị L và anh Trần Thanh D là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Trần Thanh H, sinh ngày 10/02/2004 hiện đang sống với chị Đặng Thị L cho anh Trần Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Thanh Đức H, sinh ngày 29/9/2015 hiện đang sống với chị L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh D, chị L.

Chị Đặng Thị L có nghĩa vụ giao cháu Trần Thanh H cho anh Trần Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lẩm, anh D không trực tiếp nuôi những người con còn lại có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Đặng Thị L phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 10/02/2020, Chị L đã nộp tiền tạm

ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0001389 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

